



yùn shì
韵事

noun · romantic affair, elegant event

Example Sentences

tā men de yùn shì chuán biàn le zhěng gè xiǎo zhèn
他们的韵事传遍了整个小镇。

Their romantic affair spread throughout the whole town.

zhè duàn yùn shì bèi xiě chéng le shī liú chuán zhì jīn
这段韵事被写成了诗，流传至今。

This romantic affair was written into a poem and has been passed down to this day.

Trace each character, then write the word on your own.

韵	韵	韵	韵	韵	韵	韵	韵	韵	韵	韵
韵	韵	韵	韵	韵						
事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事